| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HỒNG DÂN**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02/07/2021
"*V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN – TỈNH BẠC LIÊU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Tú Anh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông **Lại Thiện Phong**

2/ Ông **Lâm Thái Hiệp**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:*** Ông **Dương Minh Kha** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 07 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 06 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1969 *(Có mặt)*
Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu
*Bị đơn*: Ông **Dương Văn H**, sinh năm 1971 *(Có mặt)*
Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày***:

*+ Về hôn nhân*: Vào năm 1989 bà T và ông H được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới vợ chồng bà T chung sống hạnh phúc với nhau nhưng khoảng 03 – 04 năm trở lại đây thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cụ thể ông H thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi lần nhậu say thì kiếm chuyển chửi bới, đánh đập bà T. Bà T cố gắng chịu đựng để sống chung với ông H vì các con. Nhưng cách nay khoảng 02 tháng (cụ thể là vào ngày 18/4/2021 ông H lại nhậu say và đánh đập bà T. Ông H dùng tay đánh và dùng chân đá vào người bà T nhiều cái, sau đó cháu

Dương Diễm M và bà thiếm Sáu ở gần nhà có can ngăn ông H nhưng không được. Sau đó ông H tiếp tục dùng dao rượt chém bà T làm bà T không dám về nhà mà phải lánh qua nhà người chị ruột của bà T ở xã V, huyện V ngủ trong đêm. Đến ngày hôm sau (ngày 19/4/2021) thì bà T mới dám về nhà vì lúc đó ông H đã tỉnh rượu. Vợ chồng bà T không có ly thân, tuy nhiên hiện nay ông H thì ở tại căn nhà trên của vợ chồng, còn bà T thì ở ngoài trại nuôi lươn của gia đình (trại nuôi lươn và căn nhà của vợ chồng bà T, ông H cách nhau khoảng 10m). Hai vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà T xin được ly hôn với ông Dương Văn H.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng bà T, ông H có với nhau 03 người con chung là cháu Dương Thị L, sinh năm 1990; cháu Dương Diễm M, sinh năm 1992 và cháu Dương Mỹ X, sinh năm 2006. Đối với cháu Dương Thị L và cháu Dương Diễm M thì 02 người con này đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Dương Mỹ X hiện tại vẫn đang sống chung nhà với vợ chồng ông H, bà T, khi ly hôn nguyện vọng của con muốn ở với ai thì người đó nuôi, nếu cháu X muốn ở với bà T thì bà T nuôi, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng người con.

- *Về tài sản chung*: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà T không có yêu cầu gì khác.

***Bị đơn ông Dương Văn H trình bày***:

+ *Về hôn nhân:* Ông H thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian vợ chồng tổ chức đám cưới nhưng đến nay vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn thì ông H trình bày do cách nay khoảng 04 – 05 tháng (*vào khoảng tháng 12 năm 2020*) ông H có khuyên bà T có bệnh trong người nhưng hay nhậu nhẹt nhưng bà T không nghe, trong lúc nóng giận ông H có đánh bà T hai bạt tay. Sau đó bà T giận ông H và bỏ qua nhà chị ruột của bà T ở huyện V rồi sau đó đi qua nhà người cháu vợ ở thành phố B chơi khoảng 01 – 02 ngày. Sau đó thì bà T quay về nhà và sống chung với ông H đến nay. Ông H xét thấy mâu thuẩn vợ chồng không đến mức trầm trọng phải ly hôn, đồng thời hiện tại ông vẫn còn rất thương vợ và con nên ông không đồng ý ly hôn với bà T.

+ *Về con chung*: Ông H thống nhất với lời trình bày của bà T trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung là cháu Dương Thị L, sinh năm 1990; cháu Dương Diễm M, sinh năm 1992 và cháu Dương Mỹ X, sinh năm 2006. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông H ly hôn thì đối với 02 người con lớn là Dương Thị T và Dương Diễm M ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết do các con đã trưởng thành. Đối với cháu Dương Mỹ X chưa được 18 tuổi, hiện tại vẫn đang sống chung nhà với vợ chồng ông H, bà T, khi ly hôn ông H yêu cầu được quyền nuôi cháu X không đồng ý giao cháu X cho bà T nuôi. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung:* Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra ông H không có yêu cầu gì khác.

***Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay các đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Dương Văn H.

+ Về con chung: Ghi nhận nguyện vọng của cháu Dương Mỹ X, sinh năm 2006 muốn được sống chung với bà Nguyễn Thị T khi cha mẹ ly hôn. Tiếp tục giao cháu Dương Mỹ X cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng ly hôn. Ông H có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền 300.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*- Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn và nuôi con với bị đơn ông Dương Văn H nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, đồng thời bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

*- Về nội dung vụ án:*

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T với ông Dương Văn H, thấy rằng: Bà T và ông H thống nhất xác định ông, bà có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc vào năm 1989 nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch; Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.*" và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*.

Đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; ..."*

Xét thấy, mặc dù quá trình giải quyết vụ án ông H không đồng ý ly hôn với bà T vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng phải ly hôn, ông H vẫn còn thương vợ và con. Tuy nhiên, do bà T và ông H không có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Dương Văn H.

[3] Về quan hệ con chung: Bà T và ông H thống nhất xác định quá trình chung sống vợ chồng ông, bà có với nhau 03 người con chung là chị Dương Thị L, sinh năm 1990; chị Dương Diễm M, sinh năm 1992 và cháu Dương Mỹ X, sinh năm 2006. Đối với chị Dương Thị L và chị Dương Diễm M thì 02 người con này đã trưởng thành nên bà T, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Dương Mỹ X thì bà T có ý kiến khi ly hôn nguyện vọng của con muốn ở với ai thì người đó nuôi, nếu cháu X muốn ở với bà T thì bà T nuôi, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng người con. Còn ông H thì yêu cầu được nuôi cháu X trong trường hợp vợ chồng ly hôn, ông H cũng không yêu cầu bà T cấp dưỡng người con.

Hội đồng xét xử xử xét thấy, ông H và bà T không thỏa thuận được ai là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Xuyên khi vợ chồng ly hôn, tuy nhiên cháu Dương Mỹ X hiện tại đã 15 tuổi, tại bản tự khai ngày 27/04/2021 cháu Dương Mỹ X có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ là bà T khi cha, mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần nên ghi nhận nguyện vọng cháu X, tiếp tục giao cháu X cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi bà T và ông H ly hôn là phù hợp. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu.

[5] Về quan hệ tài sản: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng.

Ông Dương Văn H không phải chịu án phí.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ nêu trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

**Tuyên xử**:

**1.** Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Dương Văn H là vợ chồng.

**2.** Về con chung: Ghi nhận nguyện vọng của cháu Dương Mỹ X, sinh năm 2006 muốn được sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị T khi cha mẹ ly hôn. Tiếp tục giao cháu Dương Mỹ X cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng ly hôn. Ông H có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

**3.** Về quan hệ tài sản: Bà Nguyễn Thị T và ông Dương Văn H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

**4.** Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005784 ngày 27/04/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***
*- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);*
*- VKSND huyện Hồng Dân (2b);*
*- CC.THADS huyện Hồng Dân (1b);*
*- Các đương sự (2b);*
*- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).*

**Phan Tú Anh**